



Người đại diện theo ủy quyền: ông **Dương Viết H1** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 15/8/2024); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông **Lê Xuân N** - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị V**; địa chỉ cư trú: **thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**.
- Bà **Nguyễn Thị V1**; địa chỉ cư trú: **thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**.
- Bà **Nguyễn Thị Đ1**; địa chỉ cư trú: **thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**.
- Bà **Nguyễn Thị L**; địa chỉ cư trú: **thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**.
- Bà **Nguyễn Thị Đ2**; địa chỉ cư trú: **thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**.
- Bà **Nguyễn Thị Đ3**; địa chỉ cư trú: **khu phố F, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**.

Người đại diện theo ủy quyền của các bà: Vĩnh, **V1, Đ1, L, Đ2, Đ3**: ông **Nguyễn Xuân H** (các giấy ủy quyền ngày 12/6/2024, 17/6/2024, 20/6/2024, 01/7/2024, 10/7/2024); có mặt.

- Ông **Nguyễn Đ4**; địa chỉ cư trú: **thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Đại B**; địa chỉ cư trú: **thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** (theo giấy ủy quyền ngày 12/6/2024); vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị L1**; địa chỉ cư trú: **thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**.

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Hoàng Thị H2**; địa chỉ: **số F đường L, khu phố B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị** (theo giấy ủy quyền ngày 24/6/2024); có mặt.

- **Ngân hàng N2**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Hoàng Thanh G** - Trưởng phòng khách hàng **A chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Trị** (Quyết định v/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của Giám đốc **A1 chi nhánh huyện H** số 444/NHNo.HL-Kh ngày 18/7/2024); vắng mặt.

- Ông **Phan Văn H3**, anh **Phan Hữu P**, chị **Phan Thị Băng S**, chị **Phan Thị Trà M**, chị **Phan Thị Thanh N1**, anh **Phan Văn Gia B1**; cùng địa chỉ cư trú: **thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; đều vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Văn Q**, anh **Nguyễn Văn H4**, chị **Nguyễn Thị Như Ý**; cùng địa chỉ: **thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; đều vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của chị Ý: bà **Nguyễn Thị L1**; địa chỉ: **thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị L1**.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **1. Người khởi kiện trình bày:**

Cụ ông **Nguyễn T** và cụ bà **Võ Thị T1** (chết trước năm 1975) có 02 người con chung: bà **Nguyễn Thị V** (sinh năm 1944) và bà **Nguyễn Thị V1** (sinh năm 1948).

Cụ ông **Nguyễn T** và cụ bà **Dương Thị T2** (chết trước năm 1975) có 02 người con chung: bà **Nguyễn Thị Đ1** (sinh năm 1954) và bà **Nguyễn Thị L** (sinh năm 1958).

Cụ ông **Nguyễn T** (chết năm 2001) và cụ bà **Lê Thị S1** (chết năm 1995) có 05 người con chung: bà **Nguyễn Thị Đ** (sinh năm 1962), bà **Nguyễn Thị Đ2** (sinh năm 1963), bà **Nguyễn Thị Đ3** (sinh năm 1965), bà **Nguyễn Thị Đ5** (sinh năm 1969) và ông **Nguyễn Đ4** (sinh năm 1969).

Khi còn sống, cụ **T** và cụ **S1** được **UBND huyện H** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 901742 ngày 23/11/1992 đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8) tại **thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị** mang tên ông **Nguyễn Tuế**.

Sau khi cụ **T** và cụ **S1** mất không để lại di chúc, gia đình không thống nhất được việc chia di sản thừa kế nên có họp gia đình thống nhất tạm thời để ông **Nguyễn Đ4** quản lý, sử dụng thửa đất để hương khói cho bố mẹ, làm nơi thờ tự ông bà tổ tiên, ông **Đ4** chỉ được ở, không được mua bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, khi nào anh chị em có nhu cầu phân chia di sản thì sẽ yêu cầu sau.

Tuy nhiên, thời gian gần đây bà **Đ** và các chị em mới nhận được thông tin ông **Nguyễn Đ4** và bà **Nguyễn Thị L1** đã được **UBND huyện H** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 170121 đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8 (thửa cũ là 72, tờ bản đồ số 22). Tuy nhiên, thửa đất ông **Đ4**, bà **L1** được cấp giấy CNQSD đất có nguồn gốc là di sản thừa kế của cụ **Nguyễn T** và cụ **Lê Thị S1** chưa chia.

Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Đ4**, bà **L1** có Biên bản họp gia đình về thừa kế quyền sử dụng đất lập ngày 15/8/2006 giữa ông **Nguyễn Đ4**, bà **Nguyễn Thị V1**, bà **Nguyễn Thị Đ1**, bà **Nguyễn Thị L**. Trong khi đó hàng thừa kế thứ nhất của cụ **Lê Thị S1** có 05 người con là bà **Nguyễn Thị Đ**, bà **Nguyễn Thị Đ2**, bà **Nguyễn Thị Đ3**, bà **Nguyễn Thị Đ5** và ông **Nguyễn Đ4**; hàng thừa kế thứ nhất của cụ **Nguyễn T** có 09 người con.

Việc UBND huyện H chỉ căn cứ vào biên bản họp gia đình về thừa kế quyền sử dụng đất lập ngày 15/8/2006 có 4/9 người con của cụ Nguyễn T để ra Quyết định cấp giấy CNQSD đất AH 170121 ngày 30/11/2006 đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8) tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị cho hộ ông Nguyễn Đ4 và bà Nguyễn Thị L1 là trái quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ. Do đó, bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy GCNQSDĐ số AH 170121 do UBND huyện H cấp ngày 30/11/2006 cho hộ ông Nguyễn Đ4 và bà Nguyễn Thị L1.

- Hủy một phần Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của UBND huyện H về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc xã H, trong đó có hộ ông Nguyễn Đ4 và bà Nguyễn Thị L1.

2. Tại văn bản số 1080/UBND-TH về việc ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện ngày 10/7/2024, người bị kiện trình bày:

- Ông Nguyễn T (là cha của ông Nguyễn Đ4) sử dụng đất đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSD đất số A 901712 ngày 23/11/1992 tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22, xã H, diện tích 800m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất ở và đất vườn.

- Ngày 30/11/2006, xét đề nghị của UBND xã H và các hồ sơ kèm theo, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND về việc cấp giấy CNQSD đất ở và vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc xã H, trong đó có hộ ông Nguyễn Đ4 và bà Nguyễn Thị L1 thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp đổi giấy CNQSD đất ở và vườn, ao liền kề và đã được UBND huyện cấp giấy CNQSD đất số AH 170121 tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8, diện tích 889m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng 200m<sup>2</sup> đất ở và 689m<sup>2</sup> đất trồng cây hằng năm khác.

Theo hồ sơ đang lưu giữ tại Chi nhánh VPĐK đất đai huyện H có biên bản họp gia đình về thừa kế QSD đất có xác nhận của UBND xã H ngày 16/8/2006, giấy chứng tử của ông Nguyễn T do UBND xã H cấp ngày 23/8/2006. UBND huyện H đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để xem xét, quyết định đối với yêu cầu hủy giấy CNQSD đất số AH 170121 của bà Nguyễn Thị Đ. UBND huyện H chấp nhận mọi phán quyết của Tòa án theo quy định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V1, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ2, bà Nguyễn Thị Đ3, ông Phan Văn H3, anh Phan Hữu P, chị Phan Thị Băng S, chị Phan Thị Trà M, chị Phan Thị Thanh N1, anh Phan Văn Gia B1: đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện

- Ông Nguyễn Đ4: Đồng ý với ý kiến của người khởi kiện.

Số tiền vay ngân hàng thế chấp bằng quyền sử dụng đất nêu trên ông Đ4 và bà Nguyễn Thị L1 sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại cho ngân hàng. Sau khi Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đ4, chị em sẽ tự thỏa thuận việc phân chia di sản do bố mẹ để lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị L1: đề nghị Tòa án xem xét quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đ4 và bà Nguyễn Thị L1 có hợp pháp hay không, xem xét thời hiệu khởi kiện, giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo đảm công sức đóng góp của bà L1.

- Anh Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn Văn H4, chị Nguyễn Thị Như Ý: không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Ngân hàng N2: không đồng ý yêu cầu khởi kiện, bởi vì: Hộ bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Đ4 đang vay vốn tại Phòng G1 thuộc A Chi nhánh huyện H, theo hợp đồng tín dụng số 3903-LAV-202301680 ngày 02/6/2023. Để đảm bảo cho khoản vay, ông Đ4 và bà L1 ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy CNQSDĐ số AH 170121 do UBND huyện H cấp ngày 30/11/2006 mang tên hộ ông Đ4 và bà L1. Giá trị tài sản đảm bảo là 1.200.000.000 đồng, phạm vi nghĩa vụ trả nợ gốc là 800.000.000 đồng. Khi thế chấp tài sản, ông Đ4 và bà L1 đang sử dụng và sở hữu hợp pháp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; hợp đồng thế chấp tài sản đã được chứng thực đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Hiện ông Đ4, bà L1 đang còn nợ số tiền 700.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh. Đề nghị Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích của ngân hàng. Yêu cầu ông Đ4, bà L1 trả hết nợ gốc, lãi phát sinh trước khi giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 20/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định: căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 140, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 52, Điều 123 Luật đất đai năm 2003; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 95; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 167 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 146, 151 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật đất đai 2003; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ;

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 170121 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 30/11/2006 cho hộ ông Nguyễn Đ4 và bà Nguyễn Thị L1.

- Hủy một phần Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc xã H (phần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đ4, bà Nguyễn Thị L1 - số thứ tự 150).

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 29/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị H2, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1, Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

[2.1]. Về tố tụng:

- Đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số AH 170121 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp vào ngày 30/11/2006 cho hộ ông Nguyễn Đ4 và bà Nguyễn Thị L1. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai mà người khởi kiện cho rằng đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của mình nên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Giấy CNQSDĐ số AH 170121 do UBND huyện H cấp ngày 30/11/2006 cho hộ ông Nguyễn Đ4 và bà Nguyễn Thị L1 trên cơ sở Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của UBND huyện H về việc cấp GCNQSDĐ ở và đất vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc xã H. Căn cứ khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng

hành chính thì Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của UBND huyện H là quyết định hành chính có liên quan cần được xem xét đồng thời trong vụ án.

- Thời hiệu khởi kiện: hộ ông Nguyễn Đ4 và bà Nguyễn Thị L1 được cấp GCNQSDĐ số AH 170121 ngày 30/11/2006. Đến tháng 9/2023, khi ông Nguyễn Đ4 và bà Nguyễn Thị L1 khởi kiện xin ly hôn tại TAND huyện Hải Lăng thì bà Nguyễn Thị Đ mới biết việc ông Đ4 và bà L1 được cấp GCNQSDĐ nói trên. Ngày 14/5/2024, bà Đ khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8) tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số AH 170121 ngày 30/11/2006 đứng tên hộ ông Nguyễn Đ4 và bà Nguyễn Thị L1 là đúng quy định tại Điều 52 của Luật Đất đai 2003.

[2.2.2]. Xét tính có căn cứ và hợp pháp của GCNQSDĐ số AH 170121 ngày 30/11/2006 và Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của UBND huyện H về việc cấp GCNQSDĐ ở và đất vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc xã H, thấy rằng:

- Về nguồn gốc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8) tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị:

Cụ ông Nguyễn T và cụ bà Võ Thị T1 (chết trước năm 1975) có 02 người con chung: bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị V1; cụ ông Nguyễn T và cụ bà Dương Thị T2 (chết trước năm 1975) có 02 người con chung: bà Nguyễn Thị Đ1 và bà Nguyễn Thị L; cụ ông Nguyễn T và cụ bà Lê Thị S1 (chết năm 1995) có 05 người con chung: bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Đ2, bà Nguyễn Thị Đ3, bà Nguyễn Thị Đ5 và ông Nguyễn Đ4.

Cụ Nguyễn T và cụ Lê Thị S1 sinh sống tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22, xã H (diện tích 800m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất ở và đất vườn), cụ Nguyễn T được UBND huyện H cấp giấy CNQSD đất số A 901712 ngày 23/11/1992. Năm 1995, cụ S1 chết không để lại di chúc; năm 2001, cụ T chết không để lại di chúc, nên thửa đất nêu trên là di sản thừa kế của cụ T, cụ S1 để lại. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T gồm 09 người là các ông, bà: (1) Nguyễn Thị V, (2) Nguyễn Thị V1, (3) Nguyễn Thị Đ1, (4) Nguyễn Thị L, (5) Nguyễn Thị Đ, (6) Nguyễn Thị Đ2, (7) Nguyễn Thị Đ3, (8) Nguyễn Thị Đ5 và (9) Nguyễn Độ .1 Hàng thừa kế thứ nhất của cụ S1 gồm cụ T và 05 người là các ông, bà: (1) Nguyễn Thị Đ, (2) Nguyễn Thị Đ2, (3) Nguyễn Thị Đ3, (4) Nguyễn Thị Đ5 và (5) Nguyễn Độ .1

- Về căn cứ cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22 (nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8) tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị:

Ngày 30/11/2006, hộ ông **Nguyễn Đ4** và bà **Nguyễn Thị L1** (vợ ông **Đ4**) được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số AH 170121 trên cơ sở Biên bản họp gia đình về thừa kế quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND xã H ngày 16/8/2006 (bút lục 31) được lập giữa ông **Nguyễn Đ4** cùng các bà **Nguyễn Thị V1**, **Nguyễn Thị Đ1**, **Nguyễn Thị L**, là 4 người con của cụ **Nguyễn T** với các cụ bà **Võ Thị T1**, **Dương Thị T2**, tức chỉ có 4/9 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ **T** tham gia họp để chuyển quyền sử dụng đất cho ông **Đ4**; 4/5 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ **S1** là các bà: **Nguyễn Thị Đ**, **Nguyễn Thị Đ2** và **Nguyễn Thị Đ3**, **Nguyễn Thị Đ5** không tham gia nên theo quy định tại các Điều 675, 676 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 609, 610 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 106 của Luật Đất đai 2003, việc UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông **Nguyễn Đ4**, bà **Nguyễn Thị L1** là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền hưởng di sản của các đồng thừa kế khác. Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện cung cấp Biên bản họp gia đình ngày 30/4/2001, có sự tham gia của tất cả 09 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ **T**, các đương sự cùng thừa nhận quyền sử dụng thửa đất trên là di sản của cụ **T** để lại chưa chia (bút lục 242). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Đ**, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 170121 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 30/11/2006 cho hộ ông **Nguyễn Đ4** và bà **Nguyễn Thị L1**; hủy một phần Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc xã H (phân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Nguyễn Đ4**, bà **Nguyễn Thị L1** - số thứ tự 150) là có căn cứ pháp luật.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị L1** cho rằng: thửa đất cụ **T** đã tặng cho ông **Nguyễn Đ4** nên vợ chồng ông bà đã kê khai cấp giấy CNQSDĐ là đúng quy định, bà **Đ** khởi kiện vụ án là đã hết thời hiệu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án:

Về thời hiệu khởi kiện vụ án, nguồn gốc đất cũng như thủ tục cấp giấy CNQSDĐ đứng tên ông **Đ4**, bà **L1** đã được Hội đồng xét xử phân tích, nhận định tại các mục [2.1], [2.2] nêu trên của bản án; Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Đ** là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị L1** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: kháng cáo của bà **Nguyễn Thị L1** không được chấp nhận nên bà **L1** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị L1**. Giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 140, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 52, Điều 123 Luật đất đai năm 2003; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 95; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 167 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 146, 151 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật đất đai 2003;

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Đ**.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 170121 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 30/11/2006 cho hộ ông **Nguyễn Đ4** và bà **Nguyễn Thị L1**;

- Hủy một phần Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc xã H (phần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Nguyễn Đ4**, bà **Nguyễn Thị L1** - số thứ tự 150).

3. Về án phí và chi phí tố tụng :

3.1 Về án phí: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị L1** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000143 ngày 04/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Bà **L1** đã nộp đủ án phí.

3.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thu thập tài liệu, chứng cứ: người khởi kiện bà **Nguyễn Thị Đ** tự nguyện chịu 8.786.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 81.000 đồng chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ. Bà **Đ** đã nộp đủ, chi phí xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Vụ GDKT III - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

**Trần Đức Kiên**